

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ ĐỨC MINH

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN VÀ DỊCH VỤ ĐỨC MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DUC MINH SERVICE AND DEVELOPMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: DUC MINH SADT.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107504391

3. Ngày thành lập: 12/07/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4, ngách 52/11 ngõ 52, phố Quan Nhân, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0962061616

Fax:

Email: congtcptmminhduc@gmail.com Website: m

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
2.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
3.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
6.	Bốc xếp hàng hóa	5224
7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ các dịch vụ liên quan đến vận tải hàng không)	5229
8.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
9.	Cơ sở lưu trú khác	5590
10.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ bán buôn vàng)	4662
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
14.	Bán buôn tổng hợp	4690
15.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
16.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
17.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
18.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

19.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
20.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
21.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
22.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
23.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
24.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
25.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
26.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
27.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh;	4759
28.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
29.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
30.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
31.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
32.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
33.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
34.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
35.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

36.	Dịch vụ ăn uống khác (trừ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không)	5629
37.	Xuất bản phần mềm	5820
38.	Hoạt động hậu kỳ	5912
39.	Hoạt động chiếu phim	5914
40.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
41.	Lập trình máy vi tính	6201
42.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
43.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
44.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
45.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
46.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: các dịch vụ thông tin qua điện thoại	6329
47.	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	4100(Chính)
48.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
49.	Xây dựng công trình công ích	4220
50.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
51.	Phá dỡ	4311
52.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
53.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
54.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
55.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
56.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
57.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
58.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
59.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
60.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
61.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
62.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
63.	Bán mô tô, xe máy	4541
64.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
65.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
66.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610

67.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
68.	Bán buôn gạo	4631
69.	Bán buôn thực phẩm	4632
70.	Bán buôn đồ uống	4633
71.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
72.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
73.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
74.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
75.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
76.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
77.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
78.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, tem, tiền kim khí, súng đạn)	4773
79.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
80.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
81.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
82.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
83.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
84.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: bán trực tiếp theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động ..; Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (trừ hoạt động chuyển phát)	4799
85.	Vận tải bằng xe buýt	4920
86.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
87.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
88.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;	4933
89.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
90.	Dịch vụ đóng gói	8292

91.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
92.	Đào tạo cao đẳng	8541
93.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542
94.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
95.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
96.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
97.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
98.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
99.	Hoạt động thư viện và lưu trữ	9101
100.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
101.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che .v.v..; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
102.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
103.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
104.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
105.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
106.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
107.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
108.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
109.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Kinh doanh xoa bóp (massage, tắm quất)	9610
110.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
111.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
112.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
113.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633

114.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ đánh giày, khâu vá, giúp việc nhà	9639
115.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
116.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản Tư vấn bất động sản Quản lý bất động sản Sàn giao dịch bất động sản	6820
117.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
118.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
119.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
120.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
121.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
122.	Quảng cáo	7310
123.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
124.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất (không bao gồm thiết kế công trình) Dịch vụ thiết kế đồ thị	7410
125.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động báo chí)	7420
126.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ; - Tư vấn về công nghệ khác;	7490
127.	Cho thuê xe có động cơ	7710
128.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
129.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
130.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
131.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
132.	Đại lý du lịch	7911
133.	Điều hành tua du lịch	7912
134.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
135.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
136.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

137.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
138.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
139.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
140.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
141.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ MINH THÚY	Số 23 ngách 260/10 đường Cầu Giấy, tổ 24, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	30.000	300.000.000	30,000	012196295	
			Tổng số	30.000	300.000.000	30,000		
2	CAO TRUNG KIÊN	Số 6 ngõ 62 Trúc Lặc, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	001080011892	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		
3	TRẦN THỊ KIM OANH	Số 4, ngách 52/11 ngõ 52, phố Quan Nhân, tổ 34, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	50.000	500.000.000	50,000	012758469	
			Tổng số	50.000	500.000.000	50,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN MINH THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012758086

Ngày cấp: 05/03/2009

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8, ngách 28/4 phố Ngọc Khánh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 8, ngách 28/4 phố Ngọc Khánh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội